PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 571/NQ-UBTVQH14	*Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Tòa án quân sự quân khu và tương đương; Tòa án quân sự khu vực; biên chế, số lượng Thẩm phán của Tòa án quân sự các cấp

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Tòa án quân sự quân khu và tương đương; Tòa án quân sự khu vực

1. Thành lập 09 Tòa án quân sự quân khu và tương đương trên cơ sở các Tòa án quân sự quân khu và tương đương hiện hành:

a) Tòa án quân sự Quân khu 1;

b) Tòa án quân sự Quân khu 2;

c) Tòa án quân sự Quân khu 3;

d) Tòa án quân sự Quân khu 4;

đ) Tòa án quân sự Quân khu 5;

e) Tòa án quân sự Quân khu 7;

g) Tòa án quân sự Quân khu 9;

h) Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội;

i) Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân.

2. Thành lập 10 Tòa án quân sự khu vực trên cơ sở các Tòa án quân sự khu vực hiện hành:

a) Tòa án quân sự khu vực Quân khu 1, trên cơ sở sáp nhập Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 1 và Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 1 hiện hành;

b) Tòa án quân sự khu vực Quân khu 2, trên cơ sở sáp nhập Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 2 và Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 2 hiện hành;

c) Tòa án quân sự khu vực Quân khu 3, trên cơ sở sáp nhập Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 3 và Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 3 hiện hành;

d) Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4, trên cơ sở sáp nhập Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 và Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 4 hiện hành;

đ) Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 5, trên cơ sở Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 5 hiện hành;

e) Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5, trên cơ sở Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5 hiện hành;

g) Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7, trên cơ sở sáp nhập Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 7 và Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 7 hiện hành;

h) Tòa án quân sự khu vực Quân khu 9, trên cơ sở sáp nhập Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 9 và Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 9 hiện hành;

i) Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, trên cơ sở Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội hiện hành;

k) Tòa án quân sự khu vực Quân chủng Hải Quân, trên cơ sở sáp nhập Tòa án quân sự khu vực 1 Quân chủng Hải Quân và Tòa án quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải Quân hiện hành.

3. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án quân sự quân khu và tương đương; của các Tòa án quân sự khu vực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định trên cơ sở phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án quân sự quân khu và tương đương; của các Tòa án quân sự khu vực hiện hành.

Điều 2. Biên chế, số lượng Thẩm phán của Tòa án quân sự các cấp

Tổng biên chế của Tòa án quân sự các cấp là 310 (ba trăm mười) người, trong đó có 130 (một trăm ba mươi) Thẩm phán, bao gồm:

1. Tòa án quân sự Trung ương là 54 (năm mươi tư) người, trong đó có 01 (một) Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và 15 (mười lăm) Thẩm phán cao cấp theo quy

định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 1278/NQ-UBTVQH13 ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tòa án quân sự quân khu và tương đương là 126 (một trăm hai mươi sáu) người, trong đó có 12 (mười hai) Thẩm phán cao cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 1278/NQ-UBTVQH13 ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và 42 (bốn mươi hai) Thẩm phán trung cấp.

3. Tòa án quân sự khu vực có 130 (một trăm ba mươi) người, trong đó có 20 (hai mươi) Thẩm phán trung cấp và 40 (bốn mươi) Thẩm phán sơ cấp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 473a/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng biên chế và số lượng Thẩm phán của Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân